

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 23-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Nhất.

2. Ông Nguyễn Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGS ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm x, xã NB, huyện TK, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn x, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M về chung sống với nhau năm 2013 do tự nguyện, có tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống, đến ngày 03/5/2015 mới tiến hành việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh M không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần quyết định ly hôn nhưng được người thân hai bên gia đình động viên hòa giải nên cuộc hôn nhân giữa chị và anh M vẫn kéo dài cho đến nay. Chị và anh M sống ly thân 04 năm nay, vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Xác định vợ chồng tình cảm không còn, hôn nhân gia đình không hạnh phúc, vì mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, việc kéo dài chỉ làm cho hai bên nặng nề và mệt mỏi, ảnh hưởng đến cuộc sống và sự phát triển của các con, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Ánh S, sinh ngày 21/02/2015, hiện cả hai con đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn và yêu cầu anh M cấp dưỡng hằng tháng cho 02 con là 2.000.000đồng (mỗi con là 1.000.000đồng) kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cả 02 con đều đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Nguyễn Văn M:* Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, cha đẻ anh M là ông Nguyễn Văn C đã nhận và cam kết sẽ gọi điện thoại thông báo cho anh M được biết và giao ngay tận tay anh M khi anh M trở về. Nhưng anh M không gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Nguyễn Văn C, thông qua ý kiến của ông C trình bày: Con trai ông là Nguyễn Văn M và con dâu là Cao Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay anh M đi làm trong miền Nam. Anh M không cung cấp địa chỉ chính xác nơi tạm trú hiện nay, mà chủ yếu liên lạc với gia đình ông qua điện thoại. Ông đã gọi điện thoại thông báo cho anh M được biết đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống gồm: Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt trực tiếp lần 1, lần 2 và thông báo cho anh M về nội dung các văn bản của Tòa án, động viên anh M về để đến Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với chị Cao Thị H nhưng vì tính chất công việc bận, do điều kiện về kinh tế nên anh M không thể về được.

Ý kiến của anh M về quan hệ hôn nhân: Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh đồng ý ly hôn chị H và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, anh giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn C: Gia đình đã động viên hai con nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa hai con vẫn không thể cải thiện được nên gia đình ông cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho hai con. Về con chung: Anh M chị H có 02 con chung, hiện nay 02 cháu đang cư trú cùng chị H tại xóm x, xã NB, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Vì điều kiện anh M thường xuyên đi làm xa, nơi ở không ổn định nên đề nghị Tòa án giao 02 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con theo quy định pháp luật.

**** Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh M.

****Về nội dung vụ án:***

Chị Cao Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện quyết định, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2015 tại UBND xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng và đã sống ly thân hơn 04 năm nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Ánh S, sinh ngày 21/02/2015, cả hai con đều sinh trước thời điểm chị H và anh M đăng ký kết hôn nhưng thông qua bố anh M là ông C xác định cháu Nguyễn Thị Minh A và Nguyễn Ánh S là con chung của chị H và anh M. Vì vậy xác định chị H và anh M có hai con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Ánh S, sinh ngày 21/02/2015. Hiện nay con đang ở với chị H, nguyện vọng của chị H xin được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu anh M cấp dưỡng cho 02 con hằng tháng là

2.000.000đồng. Xét thấy, hiện nay 02 con đang ở cùng chị H, anh M không có mặt tại địa phương. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con hằng tháng là 2.000.000đồng là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Cao Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị H và anh M thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/4/2021 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng anh Nguyễn Văn M, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh M, tuy nhiên anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh M là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị H và anh Nguyễn Văn M dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2015 tại UBND xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M về sống chung với nhau năm 2013, có tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống, sau khi kết hôn một thời gian và sinh được 2 con mới tiến hành việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh M không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm và đã nhiều lần quyết định ly hôn nhưng được người thân hai bên gia đình động viên hòa giải nên cuộc hôn nhân giữa chị và anh M vẫn kéo dài cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần đối với anh M, nhưng anh M không đến Tòa án để tham gia hòa giải chứng tỏ anh không tha thiết níu kéo tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hạnh phúc gia đình dựa trên nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh M và chị H không làm được điều đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình ngày thêm trầm trọng và không thể hàn gắn được tình cảm. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị H xin ly hôn anh M nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh M sống chung với nhau từ năm 2014 sau khi sinh hai con mới tiến hành việc đăng ký kết hôn. Theo giấy khai sinh và lời khai của ông Nguyễn Văn C là bố đẻ anh Nguyễn Văn M đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Ánh S, sinh ngày 21/02/2015 là con chung của chị H và anh M.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con khi ly hôn.

Xét yêu cầu của chị H thấy rằng: hiện nay 02 con đang ở với chị H, sức khỏe tốt, chị H đi làm có thu nhập, có nơi ở ổn định nên giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng hằng tháng cho 02 con là 2.000.000đồng, kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi 02 con đều đã thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh M không yêu cầu nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

[3]. Về án phí: Chị Cao Thị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228 ; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 ; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Ánh S, sinh ngày 21/02/2015 cho chị Cao Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con hằng tháng mỗi con 1.000.000đ/1 tháng cả hai con là 2.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con đến tuổi thành niên.

Anh M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số : AA/201/90002266 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh M. Chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Tế Nông, h. Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh